

DANH SÁCH LỚP 11A1 NĂM HỌC 2026-2027**GVCN:**

Môn tự chọn gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập gồm: Toán, Vật lí, Hóa học

TT	Lớp	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Nam/Nữ	Dân tộc	Ghi chú
1	10A1	Bùi Diệu An	14/10/2010	Nữ	Kinh	
2	10A1	Tổng Hoàng Thái An	03/05/2010	Nữ	Kinh	
3	10A1	Lê Hồng Anh	20/04/2010	Nữ	Kinh	
4	10A1	Phạm Thị Lan Anh	28/09/2010	Nữ	Kinh	
5	10A1	Phạm Thị Mỹ Anh	14/10/2010	Nữ	Kinh	
6	10A1	Tô Huỳnh Anh	06/08/2010	Nữ	Hoa	
7	10A1	Nguyễn Gia Bảo	08/10/2010	Nam	Kinh	
8	10A1	Danh Thị Tuyết Dung	20/07/2010	Nữ	Khơ-me	
9	10A1	Huỳnh Nguyễn Trường Hải	01/01/2010	Nam	Kinh	
10	10A1	Võ Vỹ Hào	19/04/2010	Nam	Kinh	
11	10A1	Nguyễn Võ Gia Hân	09/10/2010	Nữ	Kinh	
12	10A1	Trương Phạm Gia Hân	20/02/2010	Nữ	Khơ-me	
13	10A1	Danh Thị Thúy Hòa	18/01/2010	Nữ	Khơ-me	
14	10	Trương Đan Huy	18/02/2010	Nam		Chuyển trường
15	10A2	Nguyễn Minh Huy	08/12/2010	Nam	Kinh	Chuyển lớp
16	10A1	Nguyễn Khánh Hưng	08/11/2010	Nam	Kinh	
17	10A1	Trần Quốc Khánh	01/02/2010	Nam	Kinh	
18	10A1	Ngô Huỳnh Minh Khôi	10/09/2010	Nam	Hoa	
19	10A1	Trần Võ Thiên Kim	02/01/2010	Nữ	Kinh	
20	10A1	Đỗ Liêm Minh	28/06/2010	Nam	Khơ-me	
21	10A1	Trần Ngọc Tú Ngân	02/02/2010	Nữ	Kinh	
22	10A1	Huỳnh Thảo Nghi	14/06/2010	Nữ	Kinh	
23	10A1	Huỳnh Yên Nhi	12/01/2010	Nữ	Kinh	
24	10A1	Nguyễn Tuyết Nhi	06/09/2010	Nữ	Kinh	
25	10A1	Nguyễn Ngọc Kiều Như	19/09/2010	Nữ	Kinh	
26	10A1	Lâm Triệu Phát	02/12/2010	Nam	Kinh	
27	10A1	Ngô Phạm Mỹ Phương	01/06/2010	Nữ	Kinh	
28	10A1	Trương Tiên Quốc	08/09/2010	Nam	Kinh	
29	10A1	Ngô Khánh Quyên	23/08/2010	Nữ	Khơ-me	
30	10A1	Huỳnh Thị Như Quỳnh	08/05/2010	Nữ	Kinh	
31	10A1	Vương Ngọc Tâm	17/05/2010	Nữ	Kinh	
32	10A1	Nguyễn Quang Minh Tấn	19/07/2009	Nam	Kinh	
33	10A1	Lê Huỳnh Ngọc Thái	12/04/2010	Nam	Kinh	
34	10A1	Đặng Nguyễn Ngọc Thảo	13/05/2010	Nữ	Kinh	
35	10A1	Lâm Thành Thân	05/01/2008	Nam	Kinh	
36	10A1	Lê Thuận	08/03/2010	Nam	Kinh	
37	10A1	Nguyễn Minh Thuận	03/04/2010	Nam	Kinh	
38	10A1	Phan Đình Thuận	20/02/2010	Nam	Kinh	
39	10A1	Hà Ngọc Minh Thư	08/03/2010	Nữ	Kinh	
40	10A1	Nguyễn Thành Tiến	16/01/2009	Nam	Kinh	
41	10A1	Võ Nguyễn Khánh Toàn	15/01/2010	Nam	Kinh	
42	10A1	Nguyễn Cao Triết	28/06/2010	Nam	Kinh	
43	10A1	Nguyễn Tuấn Trình	05/01/2010	Nam	Kinh	
44	10A1	Lâm Thanh Trúc	14/04/2010	Nữ	Kinh	
45	10A1	Nguyễn Lê Cát Tường	14/06/2010	Nữ	Kinh	
46	10A1	Trần Kim Xuyên	17/03/2010	Nữ	Kinh	
47	10A1	Trần Thị Ngọc Yến	09/07/2010	Nữ	Kinh	
48	10A1	Võ Thị Bảo Yến	11/07/2010	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH LỚP 11A2 NĂM HỌC 2026-2027**GVCN:**

Môn tự chọn gồm: Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học

Chuyên đề học tập gồm: Toán, Hóa học, Sinh học

TT	Lớp	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Nam/Nữ	Dân tộc	Ghi chú
1	10A2	Danh Thị Thúy An	28/02/2010	Nữ	Khơ-me	
2	10A2	Danh Nguyễn Nhật Anh	09/06/2010	Nam	Khơ-me	
3	10A2	Lê Hoàng Anh	05/08/2010	Nam	Kinh	
4	10A2	Võ Tuấn Anh	20/03/2010	Nam	Kinh	
5	10A2	Tô Nguyễn Tuyết Băng	24/06/2010	Nữ	Kinh	
6	10A2	Danh Thanh Chi	11/12/2010	Nam	Khơ-me	
7	10A2	Trần Minh Dương	03/03/2009	Nam	Kinh	
8	10A2	Danh Sỹ Đan	10/02/2010	Nam	Khơ-me	
9	10A2	Danh Tân Đạt	12/04/2010	Nam	Khơ-me	
10	10A2	Danh Minh Điền	31/08/2010	Nam	Khơ-me	
11	10A2	Lưu Ngọc Định	25/01/2010	Nam	Kinh	
12	10A2	Danh Minh Hậu	15/10/2010	Nam	Khơ-me	
13	10A2	Hình Mỹ Huyền	15/05/2010	Nữ	Hoa	
14	10A2	Thị Bích Huyền	03/08/2010	Nữ	Khơ-me	
15	10A2	Huỳnh Gia Hưng	20/04/2010	Nam	Hoa	
16	10A2	Trần Thanh Khiêm	15/01/2010	Nam	Kinh	
17	10A2	Lê Diễm Kiều	22/10/2010	Nữ	Kinh	
18	10A2	Nguyễn Mỹ Kỳ	24/02/2010	Nữ	Kinh	
19	10A2	Danh Hoàng Minh	16/05/2010	Nam	Khơ-me	
20	10A2	Phan Hoàng Nhựt Minh	02/08/2010	Nam	Khơ-me	
21	10A2	Hà Quốc Nam	01/01/2010	Nam	Kinh	
22	10A2	Danh Thị Hồng Ngọc	28/02/2010	Nữ	Khơ-me	
23	10A2	Võ Thị Hồng Ngọc	15/04/2010	Nữ	Kinh	
24	10A2	Phan Nhật Nguyên	27/02/2010	Nam	Kinh	
25	10A2	Thị Phi Nhung	02/08/2010	Nữ	Khơ-me	
26	10A2	Danh Thị Bích Như	12/05/2010	Nữ	Khơ-me	
27	10	Danh Thị Yên Như	17/02/2010	Nữ	Khơ-me	Chuyển trường
28	10A2	Lê Hoàng Nhựt	27/05/2010	Nam	Kinh	
29	10A2	Huỳnh Thanh Phát	17/04/2010	Nam	Kinh	
30	10A2	Nguyễn Thị Trúc Phương	16/01/2010	Nữ	Kinh	
31	10A2	Danh Thị Bích Phượng	15/03/2010	Nữ	Khơ-me	
32	10A2	Huỳnh Bá Thâu	11/02/2010	Nam	Kinh	
33	10A2	Huỳnh Công Thịnh	09/09/2010	Nam	Kinh	
34	10A2	Nguyễn Ngọc Thuận	15/05/2010	Nam	Khơ-me	
35	10A2	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	25/08/2010	Nữ	Kinh	
36	10A2	Trần Thị Anh Thư	30/03/2010	Nữ	Khơ-me	
37	10A2	Trần Thanh Tình	20/10/2010	Nam	Kinh	
38	10A2	Danh Thị Quỳnh Trang	29/10/2010	Nữ	Khơ-me	
39	10	Thị Khánh Vân	19/02/2010	Nữ	Khơ-me	Chuyển trường
40	10A2	Danh Thị Ai Vy	12/04/2010	Nữ	Khơ-me	
41	10A2	Đỗ Trần Minh Vy	09/10/2010	Nữ	Kinh	
42	10A2	Nguyễn Thúy Vy	16/12/2010	Nữ	Kinh	
43	10A2	Trần Thị Ai Vy	19/08/2010	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH LỚP 11A3 NĂM HỌC 2026-2027**GVCN:**

Môn tự chọn gồm: Vật lí, Địa lí, GD KT&PL, Công nghệ (KTCN)

Chuyên đề học tập gồm: Toán, Ngữ văn, Vật lí

TT	Lớp	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Nam/Nữ	Dân tộc	Ghi chú
1	10A3	Danh Hoài Anh	08/04/2010	Nam	Khơ-me	
2	10A3	Nguyễn Thế Bảo	01/02/2010	Nam	Kinh	
3	10A3	Nguyễn La Khánh Bằng	15/06/2010	Nữ	Kinh	
4	10A3	Nguyễn Trọng Bình	06/01/2010	Nam	Kinh	
5	10A3	Trần Văn Bình	03/08/2010	Nam	Kinh	
6	10A3	Phạm Ngọc Diên	26/02/2010	Nữ	Kinh	
7	10A3	Thị Tuyên Duyên	25/06/2010	Nữ	Khơ-me	
8	10A3	Danh Thành Đạt	11/03/2009	Nam	Khơ-me	
9	10A3	Danh Hải Đăng	03/03/2010	Nam	Khơ-me	
10	10A3	Trần Ngọc Giàu	05/01/2010	Nữ	Kinh	
11	10A3	Thị Hai	19/06/2007	Nữ	Khơ-me	
12	10A3	Lâm Kiên Hào	26/02/2010	Nam	Hoa	
13	10A3	Dương Hồ Gia Hân	22/08/2010	Nữ	Khơ-me	
14	10A3	Danh Hậu	01/08/2010	Nam	Kinh	
15	10A3	Trần Minh Hiếu	05/09/2010	Nam	Kinh	
16	10A3	Trần Huy Hoàng	03/02/2010	Nam	Kinh	
17	10A3	Mai Gia Huy	20/10/2010	Nam	Kinh	
18	10A3	Phan Quốc Kha	10/02/2010	Nam	Kinh	
19	10A3	Thị Mỹ Khanh	07/02/2010	Nữ	Khơ-me	
20	10A3	Nguyễn Ngô Tâm Khiết	13/07/2010	Nữ	Kinh	
21	10A3	Nguyễn Tấn Khoa	15/10/2010	Nam	Kinh	
22	10A3	Danh Tấn Lộc	03/07/2010	Nam	Khơ-me	
23	10A3	Mai Thanh Lộc	16/11/2010	Nam	Kinh	
24	10A3	Lê Thị Kiều Ly	06/06/2010	Nữ	Kinh	
25	10A3	Trần Thị Cẩm Nga	19/06/2010	Nữ	Kinh	
26	10A3	Bành Thị Bảo Ngọc	07/10/2010	Nữ	Khơ-me	
27	10A3	Đỗ Thị Yến Nhi	17/05/2010	Nữ	Kinh	
28	10A3	Trần Thị Tiết Nhung	16/05/2010	Nữ	Khơ-me	
29	10A3	Thị Bích Như	24/11/2010	Nữ	Khơ-me	
30	10A3	Cái Thanh Phong	09/11/2009	Nam	Kinh	
31	10A3	Lâm Hoài Phong	21/02/2010	Nam	Khơ-me	
32	10A3	Thạch Thị Sô Ni Ta	21/01/2010	Nữ	Khơ-me	
33	10A3	Trần Tuấn Tài	02/02/2010	Nam	Kinh	
34	10A3	Danh Thị Huỳnh Thi	27/03/2010	Nữ	Khơ-me	
35	10A3	Mai Phước Thịnh	20/02/2010	Nam	Khơ-me	
36	10A3	Nguyễn Trí Thịnh	18/10/2010	Nam	Kinh	
37	10A3	Thạch Thịnh	28/10/2010	Nam	Khơ-me	
38	10A3	Bùi Thị Anh Thư	08/08/2010	Nữ	Kinh	
39	10A3	Danh Cao Tiến	29/10/2010	Nam	Khơ-me	
40	10A3	Nguyễn Thị Cẩm Tím	14/03/2010	Nữ	Kinh	
41	10A3	Lâm Nhã Trân	31/10/2010	Nữ	Kinh	
42	10A3	Lê Thị Thanh Tuyền	11/03/2010	Nữ	Kinh	
43	10A3	Lê Thảo Vân	01/07/2010	Nữ	Kinh	
44	10A3	Nguyễn Quốc Việt	23/06/2010	Nam	Kinh	
45	10A3	Thị Ai Vy	10/02/2010	Nữ	Khơ-me	

DANH SÁCH LỚP 11A4 NĂM HỌC 2026-2027**GVCN:**

Môn tự chọn gồm: Sinh học, Địa lí, GD KT&PL, Tin học

Chuyên đề học tập gồm: Toán, Ngữ văn, Sinh học

TT	Lớp	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Nam/Nữ	Dân tộc	Ghi chú
1	10A4	Lê Tuấn Anh	13/03/2009	Nam	Kinh	
2	10A4	Danh Tuấn Duy	17/04/2010	Nam	Khơ-me	
3	10A4	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/11/2010	Nữ	Khơ-me	
4	10A4	Lê Thị Mỹ Đào	11/01/2010	Nữ	Khơ-me	
5	10A4	Võ Minh Đăng	23/09/2010	Nam	Kinh	
6	10A4	Bùi Ngọc Hân	06/05/2010	Nữ	Kinh	
7	10A4	Danh Thị Ngọc Hân	21/10/2010	Nữ	Khơ-me	
8	10A4	Phan Trần Ngọc Hân	01/12/2009	Nữ	Kinh	
9	10A4	Lê Thị Mỹ Hiền	05/08/2010	Nữ	Kinh	
10	10A4	Thị Hoa	07/07/2009	Nữ	Khơ-me	
11	10A4	Lê Đăng Khoa	27/02/2010	Nam	Khơ-me	
12	10A4	Mai Gia Khương	10/10/2010	Nam	Kinh	
13	10A4	Trần Thị Kim Kiềng	30/06/2010	Nữ	Khơ-me	
14	10A4	Lê Thị Diễm Kiều	11/03/2010	Nữ	Kinh	
15	10A4	Quách Thị Thúy Lâm	20/09/2010	Nữ	Khơ-me	
16	10A4	Huỳnh Thị Chúc Linh	14/01/2010	Nữ	Kinh	
17	10A4	Nguyễn Phúc Lộc	18/06/2010	Nam	Kinh	
18	10A4	Danh Kim Minh	10/12/2010	Nam	Khơ-me	
19	10A4	Danh Nhựt Minh	09/02/2010	Nam	Khơ-me	
20	10A4	Phan Ngọc Diễm My	27/02/2010	Nữ	Kinh	
21	10A4	Lý Hữu Nghị	13/12/2010	Nam	Khơ-me	
22	10A4	Danh Thị Bình Nguyên	16/11/2010	Nữ	Khơ-me	
23	10A4	Quách Nguyễn Khánh Ngu	16/02/2010	Nam	Kinh	
24	10A4	Trần Trí Nguyên	21/03/2009	Nam	Khơ-me	
25	10A4	Danh Thị Bé Nhi	28/04/2010	Nữ	Khơ-me	
26	10A4	Ngô Ngọc Nhi	13/09/2009	Nữ	Kinh	
27	10A4	Trần Ngọc Nhớ	02/09/2010	Nữ	Kinh	
28	10A4	Trần Long Nhựt	24/02/2010	Nam	Kinh	
29	10A4	Nguyễn Thanh Phát	07/09/2010	Nam	Kinh	
30	10A4	Lê Phù Yên Phương	05/07/2010	Nữ	Hoa	
31	10A4	Danh Phú Quý	22/06/2010	Nam	Khơ-me	
32	10A4	Lê Phạm Ánh Sương	20/02/2010	Nữ	Kinh	
33	10A4	Danh Minh Tân	22/08/2010	Nam	Khơ-me	
34	10A4	Lê Tuấn Thanh	27/04/2009	Nam	Kinh	
35	10A4	Nguyễn Ngọc Lan Thảo	15/03/2010	Nữ	Kinh	
36	10A4	Thị Thanh Thúy	24/07/2010	Nữ	Khơ-me	
37	10A4	Trần Thị Mộng Thúy	27/11/2010	Nữ	Khơ-me	
38	10A4	Nguyễn Trần Minh Thư	13/08/2010	Nữ	Kinh	
39	10A4	Lê Thị Huyền Trang	25/05/2010	Nữ	Kinh	
40	10A4	Danh Thanh Trọng	12/09/2010	Nam	Khơ-me	
41	10A4	Thị Vàng	08/02/2010	Nữ	Khơ-me	
42	10A4	Trần Tường Vy	24/11/2010	Nữ	Kinh	

DANH SÁCH LỚP 11A5 NĂM HỌC 2026-2027**GVCN:**

Môn tự chọn gồm: Sinh học, Địa lí, GD KT&PL, Tin học

Chuyên đề học tập gồm: Toán, Ngữ văn, Sinh học

TT	Lớp	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Nam/Nữ	Dân tộc	Ghi chú
1	10A5	Thị Hồng Ái	11/08/2010	Nữ	Khơ-me	
2	10A5	Lê Phạm Ngọc Anh	14/04/2010	Nữ	Kinh	
3	10A5	Phan Kim Anh	18/03/2009	Nữ	Kinh	
4	10A5	Trần Lê Ngọc Anh	19/08/2010	Nữ	Kinh	
5	10A5	Châu Khánh Bằng	22/03/2010	Nữ	Kinh	
6	10A5	Tạ Ngọc Cẩm	29/01/2010	Nữ	Kinh	
7	10A5	Danh Trần Thùy Châm	28/02/2010	Nữ	Khơ-me	
8	10A5	Danh Thị Thúy Duy	28/02/2010	Nữ	Khơ-me	
9	10A5	Võ Trường Duy	03/12/2010	Nam	Kinh	
10	10A5	Quách Thị Hồng Duyên	09/05/2010	Nữ	Khơ-me	
11	10A5	Nguyễn Thị Diễm Hằng	29/08/2009	Nữ	Kinh	
12	10A5	Danh Thị Thu Hiền	23/01/2010	Nữ	Khơ-me	
13	10A5	Lê Văn Huy	13/11/2009	Nam	Kinh	
14	10A5	Nguyễn Ngọc Huỳnh Hươn	14/11/2010	Nữ	Kinh	
15	10A5	Phan Việt Khái	13/03/2009	Nam	Kinh	
16	10A5	Lê Đăng Khoa	26/09/2009	Nam	Kinh	
17	10A5	Nguyễn Lê Phương Lam	19/01/2010	Nữ	Kinh	
18	10A5	Nguyễn Thị Yến Linh	27/08/2009	Nữ	Kinh	
19	10A5	Danh Đức Lợi	18/04/2010	Nam	Khơ-me	
20	10A5	Danh Thị Kha Ly	05/10/2010	Nữ	Khơ-me	
21	10A5	Danh Thị Tuyết Minh	16/05/2010	Nữ	Khơ-me	
22	10A5	Hình Ngọc Minh	29/10/2010	Nữ	Kinh	
23	10A5	Trần Anh Minh	02/10/2009	Nam	Kinh	
24	10A5	Lê Thị Kiều My	16/06/2010	Nữ	Kinh	
25	10A5	Trần Thị Cẩm Ngọc	19/06/2010	Nữ	Kinh	
26	10A5	Huỳnh Long Nhứt	24/04/2010	Nam	Kinh	
27	10A5	Danh Thị Kiều Oanh	19/05/2010	Nữ	Khơ-me	
28	10A5	Từ Nhật Phát	12/08/2009	Nam	Kinh	
29	10A5	Lê Thanh Phú	21/04/2010	Nam	Kinh	
30	10A5	Huỳnh Thị Tú Quyên	24/05/2010	Nữ	Khơ-me	
31	10A5	Phan Quốc Thái	08/07/2009	Nam	Kinh	
32	10A5	Tiền Phan Phú Thọ	20/11/2009	Nam	Hoa	
33	10A5	Võ Văn Thuận	16/06/2009	Nam	Kinh	
34	10A5	Nguyễn Trần Anh Thùy	11/08/2010	Nữ	Kinh	
35	10A5	Danh Thành Tiến	04/01/2010	Nam	Khơ-me	
36	10A5	Nguyễn Tùng Tiệp	30/08/2009	Nam	Kinh	
37	10A5	Danh Trọng Tín	17/09/2010	Nam	Khơ-me	
38	10A5	Trần Nguyễn Ngọc Trâm	22/11/2010	Nữ	Kinh	
39	10A5	Phạm Thị Mỹ Trinh	12/11/2009	Nữ	Kinh	
40	10A5	Huỳnh Cẩm Tú	30/03/2009	Nữ	Kinh	
41	10A5	Danh Út Tường	22/01/2010	Nam	Khơ-me	
42	10A5	Nguyễn Thị Kim Vàng	16/05/2010	Nữ	Khơ-me	
43	10A5	Lương Thị Nhã Văn	13/08/2010	Nữ	Kinh	
44	10A5	Danh Thị Thúy Vân	28/02/2010	Nữ	Khơ-me	
44	10A5	Trần Thị Thảo Vy	28/05/2010	Nữ	Kinh	